TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HN-PT
Ngày 15 tháng 3 năm 2024
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh;

Bà Trịnh Ngọc Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Phạm Trường San, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2024/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung".

Do Bản án hôn nhân sơ thẩm số 207/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2024/QĐXXPT-HN ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Thông T, sinh năm 1968; địa chỉ: số F, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Thạch Thị Kim S, sinh năm 1967; địa chỉ: số F, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Đỗ Thông T, sinh năm 1968; địa chỉ: số F, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Đỗ Thông T trình bày,* ông T và bà S kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 11/4/2008. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Kim S1, sinh ngày 17/6/2008. Con chung đang được ông T, bà S nuôi dưỡng.

Sau thời gian chung sống, đến năm 2018, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà S; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Kim S1, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung do vợ chồng tự thoả thuận, nợ chung không có.

- *Bị đơn Bà Thạch Thị Kim S trình bày*: Thống nhất với nội dung trình bày củaa ông T về điều kiện, thời gian kết hôn. Bà S không đồng ý ly hôn với ông T vì còn tình cảm với ông T, yêu cầu được hàn gắn. Do không đồng ý ly hôn nên về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu yêu cầu ly hôn của ông T thì bà S yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại Bản án hôn nhân sơ thẩm số 207/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thông T.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Thông T đối với bà Thạch Thị Kim S.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 04/01/2024, nguyên đơn ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Thạch Thị Kim S.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo về việc ly hôn.

Bị đơn bà Kim S chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông T.

Ông T và bà S thỏa thuận: Thống nhất thuận tình ly hôn; về con chung: Bà S được tiếp tục nuôi dạy con chung Đỗ Kim S1, sinh ngày 17/6/2008. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu S1 đủ 18 tuổi.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử: chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà S; công nhận sự tự nguyện của ông Tính giao con chung là Đỗ Kim S1 cho bà S nuôi dưỡng, chăm sóc và ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông T kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà S là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161 ngày 11/4/2008 nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, ông T không tin tưởng bà S về việc quản lý tài sản của gia đình. Theo ông T thì tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Về phía bà S xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn, bà vẫn còn tình cảm với ông T nên không chấp nhận ly hôn.

Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng theo ông T trình bày chỉ là về việc quản lý tài sản gia đình, ngoài ra không có mâu thuẫn nào khác. Ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, không thể có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ.

Xét kháng cáo của ông T về việc yêu cầu ly hôn với bà S, thấy rằng, tại phiên tòa phúc thẩm, bà S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T vì thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, ông T đã cương quyết ly hôn. Đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn xét xử phúc thẩm. Ngoài ra các đương sự còn thỏa thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn; giao con chung là Đỗ Kim S1 cho bà S nuôi dưỡng, chăm sóc và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

Đối với tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, về cấp dưỡng theo quy định tại Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300; khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Thông T;

Sửa Bản án hôn nhân sơ thẩm số 207/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công nhận sự thỏa thuận của ông Đỗ Thông T và bà Thạch Thị Kim S

1. Về hôn nhân: ông Đỗ Thông T được ly hôn bà Thạch Thị Kim S.

2. Về con chung: Bà S được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Kim S1, sinh ngày 17/6/2008. Ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu S1 đủ 18 tuổi. Ông T được quyền đến thăm con chung.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Thông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0002533 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ông T đã nộp đủ án phí về hôn nhân.

Ông T phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng là 300.000 đồng.

4. Về án phí phúc thẩm: ông T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại ông T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001436 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- TAND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm